

Số: 13/2024/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 10 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2024 và thay thế Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, Lệ, NCPC (Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 13/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (cấp xã) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Quy chế này là các tổ chức, cá nhân có liên quan đến tuyển dụng các chức danh công chức cấp xã tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Điều 3. Nguyên tắc tuyển dụng

- Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.
- Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải bảo đảm tính cạnh tranh.
- Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí chức danh công chức cần tuyển dụng.

Chương II TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Mục 1

CĂN CỨ, ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG

Điều 4. Căn cứ tuyển dụng

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào số lượng chức danh công chức cấp xã còn thiếu so với số lượng được giao theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh cho các huyện, thành phố (cấp huyện) và Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cụ thể số lượng, chức danh công chức cấp xã cho từng đơn vị hành chính cấp xã theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã; tổng hợp chỉ tiêu, cơ cấu, số lượng công chức cấp xã còn thiếu, cần tuyển dụng trên địa bàn, báo cáo Sở Nội vụ trước mỗi kỳ tuyển dụng.

Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã phải nêu rõ số lượng công chức cấp xã được giao, số lượng công chức cấp xã hiện có, số lượng công chức cấp xã còn thiếu so với số được giao theo từng chức danh. Số lượng chỉ tiêu cơ cấu công chức cấp xã cần tuyển dụng ở từng vị trí chức danh. Nguyên tắc tuyển dụng, tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển ở từng vị trí chức danh. Hình thức và nội dung thi tuyển hoặc xét tuyển, dự kiến thời gian thi tuyển hoặc xét tuyển. Các nội dung khác (nếu có). Sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ về chỉ tiêu tuyển dụng, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành kế hoạch tuyển dụng.

Điều 5. Ngành đào tạo theo yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã

1. Ngành đào tạo theo yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã theo Phụ lục kèm Quy chế này.

2. Ngành đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này là cơ sở để tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, đào tạo, chuẩn hóa, xếp lương khi thay đổi trình độ đào tạo và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh. Trong từng kỳ tuyển dụng, Ủy ban nhân dân cấp huyện được quyết định lựa chọn một số ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng quy định tại khoản 1 Điều này tại từng xã, phường, thị trấn.

Trường hợp tiếp nhận vào làm công chức cấp xã ngoài ngành đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tiếp nhận công chức cấp xã sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ.

Điều 6. Điều kiện đăng ký dự tuyển

1. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Cán bộ, công chức. Ngoài ra còn phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn sau đây:

a) Đảm bảo các tiêu chuẩn theo Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

b) Có ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, ngoài các điều kiện đăng ký dự tuyển theo khoản 1 Điều này, còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn tại Điều 7 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Điều 7. Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng công chức cấp xã

Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức cấp xã thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và khoản 3 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Điều 8. Thẩm quyền tuyển dụng công chức cấp xã và tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Điều 9. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã. Hội đồng tuyển dụng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Phòng Nội vụ cấp huyện.

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức Phòng Nội vụ cấp huyện.

d) Các Ủy viên khác là đại diện lãnh đạo của một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên tham gia Hội đồng tuyển dụng, thực hiện theo Điều 2 Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

3. Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng đã biểu quyết.

Hội đồng tuyển dụng có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Thành lập các bộ phận giúp việc: Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo (nếu có), Ban kiểm tra sát hạch khi tổ chức thực hiện phỏng vấn tại vòng 2. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các bộ phận giúp việc, thực hiện theo Mục 2 Chương I Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng thành lập Tổ Thư ký giúp việc.

- b) Tổ chức thu phí dự tuyển và sử dụng phí dự tuyển theo quy định.
 - c) Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, tổ chức thi, chấm thi, chấm phúc khảo theo quy chế.
 - d) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển.
 - đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức thi tuyển, xét tuyển.
 - e) Hội đồng tuyển dụng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.
4. Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự tuyển hoặc của bên vợ (chồng) của người dự tuyển; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự tuyển hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng tuyển dụng, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng.
5. Hội đồng tuyển dụng được sử dụng con dấu, tài khoản của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong các hoạt động của Hội đồng.

Mục 2

THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 10. Các chức danh tuyển dụng thông qua thi tuyển

Các chức danh công chức cấp xã thực hiện tuyển dụng thông qua thi tuyển gồm: Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội.

Trường hợp người dự tuyển thuộc đối tượng quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều 15 Quy chế này thì thực hiện tuyển dụng thông qua hình thức xét tuyển.

Điều 11. Hình thức, nội dung và thời gian thi

Hình thức, nội dung và thời gian thi tuyển công chức cấp xã thực hiện theo khoản 2 Điều 8 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, Điều 12 Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

Điều 12. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển dụng công chức cấp xã

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã phải có đủ các điều kiện sau:

- a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên. Trường hợp thi kết hợp phỏng vấn và viết thì người dự thi phải dự thi đủ phỏng vấn và viết.

b) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 7 Quy chế này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí chức danh công chức.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí chức danh công chức cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

Điều 13. Trình tự, thủ tục tuyển dụng công chức cấp xã

Trình tự, thủ tục tuyển dụng công chức cấp xã, bao gồm: Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển; trình tự tổ chức tuyển dụng; thông báo kết quả tuyển dụng; hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng; quyết định tuyển dụng và nhận việc, thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 06/2023/NĐ-CP.

Điều 14. Tổ chức thi tuyển công chức cấp xã

Tổ chức thi tuyển công chức cấp xã, thực hiện theo Chương II Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV (theo nội dung thi tuyển công chức).

Mục 3

XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 15. Đối tượng xét tuyển công chức cấp xã

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã thông qua hình thức xét tuyển được thực hiện theo từng nhóm đối tượng sau đây:

a) Người đăng ký dự tuyển vào chức danh công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã.

b) Người cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

c) Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học.

d) Người tốt nghiệp đại học loại xuất sắc; người có trình độ thạc sĩ, người có trình độ tiến sĩ phù hợp với chuyên môn của các chức danh công chức cấp xã.

2. Việc tuyển dụng đối với nhóm đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

3. Đối với nhóm đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thực hiện việc xét tuyển đối với người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 16. Nội dung, hình thức xét tuyển công chức cấp xã

Nội dung, hình thức xét tuyển đối với nhóm đối tượng tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 15 Quy chế này thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Điều 17. Ban kiểm tra sát hạch xét tuyển

1. Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định thành lập Ban kiểm tra sát hạch, thành phần Ban kiểm tra sát hạch gồm: Trưởng ban và các thành viên, trong đó có một thành viên kiêm Thư ký.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm tra, sát hạch thực hiện theo Điều 8 Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

3. Nội dung sát hạch

a) Đối với nhóm đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 15 Quy chế này phải căn cứ vào yêu cầu của vị trí chức danh công chức cấp xã.

b) Đối với nhóm đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Quy chế này thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

4. Ban kiểm tra, sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Trưởng Ban kiểm tra, sát hạch đã biểu quyết. Ban kiểm tra, sát hạch tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 18. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Có kết quả điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 7 Quy chế này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí tuyển dụng.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí tuyển dụng cần tuyển thì người có kết quả điểm vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

Điều 19. Quy trình xét tuyển

1. Đối với nhóm đối tượng quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 15 Quy chế này:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch xét tuyển, thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng xét tuyển. Chủ tịch Hội đồng xét tuyển thành lập Ban kiểm tra phiếu dự tuyển để kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí chức danh công chức cần tuyển dụng thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

b) Tổ chức xét tuyển:

Tổ chức xét tuyển công chức cấp xã, thực hiện theo quy định tại Chương II Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV (theo nội dung xét tuyển công chức).

c) Thông báo kết quả tuyển dụng, hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, quyết định tuyển dụng và nhận việc, thực hiện theo Điều 13 Quy chế này.

d) Quyết định bổ nhiệm Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã

Căn cứ kết quả tuyển dụng chức danh công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bổ nhiệm Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện.

2. Đối với nhóm đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Quy chế này, thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP.

Mục 4

TIẾP NHẬN VÀO LÀM CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 20. Đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

Đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Điều 21. Tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận

1. Căn cứ yêu cầu của vị trí chức danh công chức cần tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được quyền xem xét, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã đối với các trường hợp quy định tại Điều 20 Quy chế này nếu đáp ứng đủ điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã quy định tại Điều 6 Quy chế này, không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật và các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Trường hợp quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP phải có đủ 05 năm công tác trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn, kể cả thời gian công tác nếu có trước đó ở vị trí công việc thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP) làm công việc có yêu cầu trình độ đào tạo chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển;

b) Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP phải được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển đến làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị theo yêu cầu nhiệm vụ và không yêu cầu phải có đủ thời gian 05 năm công tác trở lên làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được điều động, luân chuyển đến; khi tiếp nhận vào làm công chức không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

2. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào làm công chức

Người được đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã phải hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Điều 22. Quy trình tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

1. Trường hợp không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Đối tượng thuộc điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

b) Phòng Nội vụ cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức đề nghị tiếp nhận báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản đề nghị Sở Nội vụ kèm theo hồ sơ của đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

d) Căn cứ văn bản của Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

2. Trường hợp phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Đối tượng thuộc điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

b) Phòng Nội vụ cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức đề nghị tiếp nhận báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản báo cáo đề nghị Sở Nội vụ kèm theo hồ sơ của đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

d) Căn cứ văn bản của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ tham mưu để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

Hội đồng kiểm tra, sát hạch có 05 hoặc 07 thành viên gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Phòng Nội vụ cấp huyện; 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức Phòng Nội vụ cấp huyện; 01 Ủy viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận công chức sau khi được tuyển dụng; các Ủy viên khác là đại diện lãnh đạo một số phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ cấp huyện có liên quan đến vị trí chức danh cần tuyển dụng.

Không cử làm thành viên Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người được tiếp nhận vào làm công chức hoặc của bên vợ (chồng) của người được tiếp nhận vào làm công chức; vợ hoặc chồng; con đẻ hoặc con nuôi của người được tiếp nhận hoặc những người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển; tổ chức sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được đề nghị tiếp nhận, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả kiểm tra, sát hạch.

Nội dung sát hạch phải căn cứ vào yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển để xây dựng. Hình thức sát hạch là phỏng vấn hoặc viết hoặc kết hợp phỏng vấn và viết. Hội đồng kiểm tra, sát hạch chịu trách nhiệm xây dựng nội dung sát hạch, đề xuất hình thức và cách thức xác định kết quả sát hạch, bảo đảm phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định trước khi tổ chức sát hạch.

Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, sát hạch đã biểu quyết. Hội đồng kiểm tra, sát hạch tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

đ) Căn cứ hồ sơ của người đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã và báo cáo kết quả kiểm tra, sát hạch của Hội đồng kiểm tra, sát hạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định tiếp nhận vào làm công chức cấp xã theo quy định.

Mục 5

TẬP SỰ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 23. Tập sự đối với công chức cấp xã

1. Thời gian tập sự đối với công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Chế độ tập sự, hướng dẫn tập sự, chế độ chính sách đối với người tập sự, người hướng dẫn tập sự thực hiện theo Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP; Điều 10 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP.

3. Công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương đối với công chức:

a) Khi hết thời gian tập sự, người tập sự phải báo cáo kết quả tập sự bằng văn bản theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP; người hướng dẫn tập sự phải nhận xét, đánh giá kết quả tập sự đối với người tập sự bằng văn bản.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả công việc của người tập sự. Trường hợp người tập sự đạt yêu cầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương đối với công chức được tuyển dụng.

b) Trường hợp người được tuyển dụng công chức cấp xã thuộc đối tượng tại điểm d khoản 1 Điều 15 Quy chế này hoàn thành chế độ tập sự theo khoản 2 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương đối với công chức được tuyển dụng theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP.

Điều 24. Hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự

Hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự thực hiện theo Điều 24 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Chương III

CÁC CÔNG TÁC KHÁC

Điều 25. Giám sát kỳ tuyển dụng công chức cấp xã

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Ban giám sát kỳ tuyển dụng công chức cấp xã gồm Trưởng ban và các thành viên, trong đó có một thành viên kiêm Thư ký.

2. Nhiệm vụ của Trưởng ban giám sát, thành viên Ban giám sát, nội dung giám sát, địa điểm giám sát, tiêu chuẩn thành viên Ban giám sát theo khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 36 Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

3. Trường hợp thành viên Ban giám sát không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao hoặc can thiệp vào công việc của các thành viên Hội đồng hoặc của các thành viên bộ phận giúp việc của Hội đồng với động cơ, mục đích cá nhân thì thành viên Hội đồng hoặc thành viên bộ phận giúp việc của Hội đồng có quyền đề nghị Trưởng ban giám sát đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ; đồng thời, Trưởng ban giám sát có trách nhiệm báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý xem xét, xử lý trách nhiệm theo quy định của Đảng và của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

4. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về công chức, viên chức tham gia giám sát việc tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo thẩm quyền quy định thì cũng phải bảo đảm nguyên tắc hoạt động giám sát theo quy định.

Điều 26. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 37 Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

Điều 27. Lưu trữ tài liệu

1. Hồ sơ, tài liệu về kỳ tuyển dụng công chức cấp xã, bao gồm: Các văn bản về tổ chức kỳ tuyển dụng của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; các văn bản của Hội đồng tuyển dụng trong quá trình tổ chức thực hiện; biên bản các cuộc họp Hội đồng; danh sách tổng hợp người đủ điều kiện dự tuyển; các biên bản bàn giao đề thi, biên bản xác định tình trạng niêm phong đề thi, biên bản bàn giao bài thi (kèm theo túi đựng bài thi còn nguyên niêm phong), đề thi gốc, biên bản chấm thi, bảng tổng hợp kết quả thi, biên bản phúc khảo (kèm theo túi đựng đầu phách còn nguyên niêm phong), biên bản lập về các vi phạm quy chế, nội quy (nếu có), quyết định công nhận kết quả thi, quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có) và các loại biên bản, văn bản, tài liệu khác liên quan đến kỳ tuyển dụng.

2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc kỳ tuyển dụng công chức cấp xã, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng chịu trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này kèm theo các túi đựng bài thi, túi đựng đầu phách còn nguyên niêm phong cho lưu trữ của Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 28. Nội quy kỳ thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã

Nội quy kỳ thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã do Hội đồng tuyển dụng ban hành để tổ chức kỳ thi tuyển, xét tuyển đảm bảo nghiêm túc, khách quan đúng quy định của pháp luật. Hội đồng tuyển dụng xây dựng nội quy của kỳ tuyển dụng theo Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

Các trường hợp đã được quyết định xếp lương theo trình độ chuyên môn trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không đặt vấn đề xem xét lại việc xếp lương theo Quyết định này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tự chịu trách nhiệm về quyết định đó.

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường kiểm tra công tác tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã tại các kỳ tuyển dụng của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Trách nhiệm của sở, ban, ngành cấp tỉnh

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan phối hợp với Sở Nội vụ trong việc hướng dẫn, kiểm tra công tác tuyển dụng công chức cấp xã của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

Hàng năm, chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, đăng ký nhu cầu tuyển dụng đối với các vị trí chức danh công chức cấp xã còn thiếu; tổng hợp, xây dựng kế hoạch tuyển dụng chung của huyện.

Tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng công chức cấp xã đảm bảo đúng quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

Hàng năm, rà soát để đăng ký nhu cầu tuyển dụng đối với các vị trí chức danh công chức cấp xã còn thiếu, đảm bảo ngành đào tạo phù hợp với từng vị trí chức danh công chức cần tuyển.

Bộ trí người hướng dẫn tập sự đối với người trúng tuyển công chức cấp xã; theo dõi, đánh giá quá trình tập sự của công chức cấp xã theo quy định.

Điều 31. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.

PHỤ LỤC
DANH MỤC NGÀNH ĐÀO TẠO THEO YÊU CẦU NHIỆM VỤ CỦA
TỪNG CHỨC DANH CÔNG CHỨC CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 13/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	Chức danh công chức	Ngành đào tạo*
1	Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự	Thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành về quân sự.
2	Văn phòng - thống kê	Kinh tế; Kinh tế học; Kinh tế chính trị; Kinh tế phát triển; Thống kê kinh tế; Kinh tế số; Quản lý kinh tế; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Lưu trữ học; Tài chính - Ngân hàng; Công nghệ tài chính; Chính sách công; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Quản trị văn phòng; Các ngành/chuyên ngành Luật; Kế toán; Kiểm toán; Công nghệ thông tin; Quản lý công nghệ thông tin; Quản lý hệ thống thông tin; Khoa học dữ liệu; Su phạm các chuyên ngành.
3	Địa chính - xây dựng - đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn)	Khoa học môi trường; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ; Quản lý tài nguyên và môi trường; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý đất đai; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Kiến trúc; Kiến trúc đô thị; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng.
4	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã)	Khoa học môi trường; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ; Quản lý tài nguyên và môi trường; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý đất đai; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Kiến trúc; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng; Nông nghiệp; Khuyến nông; Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch; Chăn nuôi; Thú y; Nông học; Khoa học cây trồng; Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn; Bảo vệ thực vật; Quản lý tài nguyên rừng.
5	Tài chính - kế toán	Các ngành/chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán.

6	Tư pháp - hộ tịch	Các ngành/chuyên ngành Luật.
7	Văn hóa - xã hội	Việt Nam học; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam; Văn hóa học; Văn hóa dân gian; Quản lý văn hóa; Quản lý thể dục thể thao; Giáo dục thể chất; Xã hội học; Công tác xã hội; Công tác thanh thiếu niên; Truyền thông đại chúng; Truyền thông đa phương tiện; Quản lý thông tin; Thông tin - Thư viện; Giáo dục và phát triển cộng đồng; Quản lý giáo dục; Du lịch; Tổ chức và Quản lý y tế; Quản lý y tế; Tôn giáo học; Bảo hiểm; Chính sách công; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật kinh tế; Thống kê.

* Ngành đào tạo thực hiện theo quy định tại các Thông tư sau:

1. Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

2. Thông tư số 09/2022/TT-GDDT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học./.